



Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn
15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015



Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh

Số 0101178800

ngày 22 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 22 tháng 1 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hường	Chủ tịch
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên
Ông Hosono Kyohei	Thành viên
Ông Tashiro Masaaki	Thành viên
Ông Mark Gerald Gillin	Thành viên (<i>đến ngày 19 tháng 9 năm 2014</i>)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Hường	Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Biệt thự số 18, BT5, Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Văn Hương
Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2015

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 5 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-104-c



Dân Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2015

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2013-007-1

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.949.128.257.769	1.043.295.839.773
Tiền	110	5	433.553.187.684	39.474.490.479
Tiền	111		433.553.187.684	39.474.490.479
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	285.600.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		285.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	888.714.509.383	565.171.700.597
Phải thu khách hàng	131	6	618.963.884.140	367.882.830.398
Trả trước cho người bán	132		270.452.797.713	198.677.330.887
Các khoản phải thu khác	135		686.288.218	-
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.388.460.688)	(1.388.460.688)
Hàng tồn kho	140	7	331.151.147.968	416.781.693.233
Hàng tồn kho	141		331.151.147.968	416.781.693.233
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.109.412.734	21.867.955.464
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.032.221.579	1.361.909.721
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.647.801.284
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		580.879	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	9.076.610.276	13.858.244.459

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		539.056.520.284	505.400.261.187
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.265.148.006	7.163.209.374
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		7.265.148.006	7.163.209.374
Tài sản cố định	220		441.279.357.650	408.270.692.313
Tài sản cố định hữu hình	221	9	321.842.020.907	339.653.775.751
Nguyên giá	222		636.183.268.674	626.979.522.594
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(314.341.247.767)	(287.325.746.843)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	97.958.629.106	-
Nguyên giá	225		99.976.917.241	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.018.288.135)	-
Tài sản cố định vô hình	227		95.040.440	-
Nguyên giá	228		120.680.480	17.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.640.040)	(17.000.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	21.383.667.197	68.616.916.562
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	83.353.000.000	86.131.860.000
Đầu tư vào công ty con	251		72.853.000.000	72.853.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		500.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000.000	13.278.860.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.159.014.628	3.834.499.500
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.954.049.373	3.223.871.488
Tài sản dài hạn khác	268		4.204.965.255	610.628.012
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.488.184.778.053	1.548.696.100.960

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		622.168.852.548	599.177.531.510
Nợ ngắn hạn	310		438.400.379.278	533.489.503.760
Vay ngắn hạn	311	13	269.356.901.616	368.450.048.445
Phải trả người bán	312		96.758.504.391	60.709.690.397
Người mua trả tiền trước	313		5.794.443.000	5.977.886.300
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	59.909.040.713	70.025.669.080
Phải trả người lao động	315		2.118.445.181	1.655.167.852
Chi phí phải trả	316		993.849.740	967.611.005
Các khoản phải trả khác	319	15	3.469.194.637	25.703.430.681
Vay và nợ dài hạn	330		183.768.473.270	65.688.027.750
Phải trả dài hạn người bán	331		85.146.061.700	32.565.027.750
Vay và nợ dài hạn	334	16	98.622.411.570	33.123.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.866.015.925.505	949.518.569.450
Vốn chủ sở hữu	410	17	1.866.015.925.505	949.518.569.450
Vốn cổ phần	411	18	1.125.001.710.000	568.185.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		402.408.328.850	152.689.048.850
Quỹ đầu tư phát triển	417	20	19.211.235.252	17.127.227.933
Lợi nhuận chưa phân phối	420		319.394.651.403	211.516.992.667
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.488.184.778.053	1.548.696.100.960

Ngày 15 tháng 5 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Phương Duyên
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc
 Kế toán trưởng



Lê Văn Hường
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn 15 tháng
từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	21	1.056.241.527.366	551.120.749.571
Giá vốn hàng bán	11	22	719.180.563.171	388.556.966.333
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		337.060.964.195	162.563.783.238
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.060.686.612	2.412.802.398
Chi phí tài chính	22	24	57.094.249.599	50.306.196.198
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.838.992.395	48.364.504.509
Chi phí bán hàng	24		6.117.907.691	3.471.594.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		42.006.757.538	30.992.905.956
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		232.902.735.979	80.205.889.277
Thu nhập khác	31	25	113.959.058.651	3.095.780.657
Chi phí khác	32	26	91.564.091.541	24.825.974.024
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		22.394.967.110	(21.730.193.367)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		255.297.703.089	58.475.695.910
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	60.111.122.034	18.732.597.223
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		195.186.581.055	39.743.098.687

Ngày 15 tháng 5 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Phương Duyên
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc
 Kế toán trưởng



Lê Văn Hương
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	255.297.703.089	58.475.695.910
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	74.791.130.518	61.528.271.250
Các khoản dự phòng	03	-	296.905.635
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	1.368.925.323	389.112.373
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(41.608.836.588)	(3.101.429.314)
Chi phí lãi vay	06	53.838.992.395	48.364.504.509
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	343.687.914.737	165.953.060.363
Biến động các khoản phải thu	09	(320.367.161.204)	178.979.138.748
Biến động hàng tồn kho	10	25.672.744.886	(183.234.387.599)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	70.448.326.276	29.777.127.799
Biến động chi phí trả trước	12	599.510.257	(3.372.026.384)
		120.041.334.952	188.102.912.927
Tiền lãi vay đã trả	13	(53.812.753.660)	(47.396.893.504)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(75.343.998.470)	(52.047.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.881.762.750)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.997.179.928)	88.659.019.423
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(28.351.596.810)	(178.973.406.540)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	77.379.311.472	809.523.810
Tiền mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(304.728.000.000)	(22.000.000.000)
Tiền bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	16.128.000.000	22.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(500.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.024.590.627	2.291.905.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(239.047.694.711)	(175.871.977.226)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	749.720.040.000	148.117.502.850
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	686.157.651.037	551.489.303.142
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(760.710.279.750)	(584.778.576.388)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.627.349.532)	-
Tiền trả cổ tức	36	(28.409.265.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	645.130.796.755	114.828.229.604
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	394.085.922.116	27.615.271.801
Tiền đầu kỳ/năm	60	39.474.490.479	11.878.861.197
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61	(7.224.911)	(19.642.519)
Tiền cuối kỳ/năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	433.553.187.684	39.474.490.479

Ngày 15 tháng 5 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Phương Duyên
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc
 Kế toán trưởng



Lê Văn Hương
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế; và
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, một chi nhánh tại Phnom Penh (Campuchia), một công ty con và một công ty liên kết.

Tên công ty	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	100%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	25%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là JVC.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có 263 nhân viên (31/12/2013: 263 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong các năm trước đây, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Ngày 19 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế địa phương về việc thay đổi kỳ kế toán năm thành từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ/năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ Máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các máy móc thiết bị chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(n) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hàng năm theo điều lệ của Công ty, khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ/năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ/năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ/năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trong biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, công ty con của Công ty và các bên khác như được định nghĩa trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán máy móc, thiết bị y tế: đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế, buôn bán linh kiện thiết bị y tế và linh kiện điện tử;
- Liên kết thiết bị y tế: khai thác thiết bị y tế dưới hình thức hợp đồng liên kết khai thác với các bệnh viện; và
- Cung cấp dịch vụ: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế và kinh doanh phòng khám đa khoa.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

	Bán máy móc thiết bị y tế VND	Liên kết thiết bị y tế VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	887.574.768.832	133.248.932.777	35.417.825.757	-	1.056.241.527.366
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	887.574.768.832	133.248.932.777	35.417.825.757	-	1.056.241.527.366
Chi phí phân bổ	(685.194.503.415)	(76.591.098.154)	(5.519.626.832)	-	(767.305.228.400)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	202.380.265.417	56.657.834.623	29.898.198.925	-	288.936.298.966
Chi phí không phân bổ					(56.033.562.987)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					232.902.735.979
Thu nhập khác					113.959.058.651
Chi phí khác					(91.564.091.541)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(60.111.122.034)
Lợi nhuận thuần sau thuế					195.186.581.055

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

	Bán máy móc thiết bị y tế VND	Liên kết thiết bị y tế VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015					
Tài sản của bộ phận	1.305.922.848.623	357.124.182.647	87.646.358.491	-	1.750.693.389.761
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	737.491.388.292
Tổng tài sản	1.305.922.848.623	357.124.182.647	87.646.358.491	-	2.488.184.778.053
Nợ phải trả của bộ phận	598.016.919.929	13.240.220.646	4.330.222.415	-	615.587.362.990
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	6.581.489.558
Tổng nợ phải trả	598.016.919.929	13.240.220.646	4.330.222.415	-	622.168.852.548
Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015					
Chi tiêu vốn	9.604.407.778	18.747.189.032	-	-	28.351.596.810
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3.333.431.246	71.256.520.839	192.538.393	-	74.782.490.478
Khấu hao tài sản cố định vô hình	-	8.640.040	-	-	8.640.040

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

	Bán máy móc thiết bị y tế VND	Liên kết thiết bị y tế VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	450.484.657.497	81.664.404.944	18.971.687.130	-	551.120.749.571
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	450.484.657.497	81.664.404.944	18.971.687.130	-	551.120.749.571
Chi phí phân bổ	(354.271.026.160)	(62.846.431.550)	(5.904.008.784)	-	(423.021.466.494)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	96.213.631.337	18.817.973.394	13.067.678.346	-	128.099.283.077
Chi phí không phân bổ					(47.893.393.800)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					80.205.889.277
Thu nhập khác					3.095.780.657
Chi phí khác					(24.825.974.024)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(18.732.597.223)
Lợi nhuận thuần sau thuế					39.743.098.687

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

	Bán máy móc thiết bị y tế VND	Liên kết thiết bị y tế VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Tài sản của bộ phận	985.921.153.087	404.591.592.775	99.654.210.939	-	1.490.166.956.801
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	58.529.144.159
Tổng tài sản	985.921.153.087	404.591.592.775	99.654.210.939	-	1.548.696.100.960
Nợ phải trả của bộ phận	553.420.981.665	10.286.873.946	7.143.466.361	-	570.851.321.972
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	28.326.209.538
Tổng nợ phải trả	553.420.981.665	10.286.873.946	7.143.466.361	-	599.177.531.510
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Chi tiêu vốn	1.732.296.424	177.021.192.514	219.917.602	-	178.973.406.540
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.026.211.599	33.177.123.698	27.322.658.172	-	61.525.993.469
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.277.781	-	-	-	2.277.781

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Tiền

	31/3/2015	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	403.257.620.711	10.195.060.759
Tiền gửi ngân hàng	30.295.566.973	29.279.429.720
	<hr/>	<hr/>
	433.553.187.684	39.474.490.479
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan và trả trước cho các bên liên quan như sau:

	31/3/2015	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ công ty con		
Thương mại	29.689.342.573	14.843.145.892
Trả trước cho công ty con	39.701.201.665	-
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ công ty con không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Các khoản phải thu khách hàng bao gồm:

	31/3/2015	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu thương mại	583.575.535.331	367.882.830.398
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	35.388.348.809	-
	<hr/>	<hr/>
	618.963.884.140	367.882.830.398
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm
2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Hàng tồn kho

	31/3/2015	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	70.775.517.229	6.364.538.524
Nguyên vật liệu	4.070.550	23.063.182
Thành phẩm	12.684.751	-
Hàng hóa	260.358.875.438	410.394.091.527
	<hr/>	<hr/>
	331.151.147.968	416.781.693.233
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, một số hàng hóa của Công ty với giá trị ghi sổ là 183.759 triệu VND (31/12/2013: 239.408 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 13).

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/3/2015	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng hoạt động	8.446.450.000	12.497.177.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	630.160.276	1.361.067.459
	<hr/>	<hr/>
	9.076.610.276	13.858.244.459
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.025.186.364	606.249.854.680	18.932.018.131	772.463.419	626.979.522.594
Tăng trong kỳ	-	1.051.718.750	7.556.100.000	-	8.607.818.750
Chuyển từ hàng tồn kho	-	25.413.569.318	-	-	25.413.569.318
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	86.835.613.751	-	-	86.835.613.751
Chuyển từ đầu tư dài hạn	-	6.278.860.000	-	-	6.278.860.000
Thanh lý trong kỳ	-	(117.932.115.739)	-	-	(117.932.115.739)
Số dư cuối kỳ	1.025.186.364	607.897.500.760	26.488.118.131	772.463.419	636.183.268.674
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	340.356.699	273.985.918.295	12.591.607.846	407.864.003	287.325.746.843
Khấu hao trong kỳ	147.433.725	70.936.389.723	1.590.221.743	90.157.152	72.764.202.343
Thanh lý trong kỳ	-	(45.748.701.419)	-	-	(45.748.701.419)
Số dư cuối kỳ	487.790.424	299.173.606.599	14.181.829.589	498.021.155	314.341.247.767
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	684.829.665	332.263.936.385	6.340.410.285	364.599.416	339.653.775.751
Số dư cuối kỳ	537.395.940	308.723.894.161	12.306.288.542	274.442.264	321.842.020.907

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 148.560 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 131.693 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 228.883 triệu VND (31/12/2013: 141.574 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty (Thuyết minh 13 và Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ	99.976.917.241
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong kỳ và số dư cuối kỳ	2.018.288.135
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	97.958.629.106

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	68.616.916.562	-
Tăng trong kỳ/năm	5.058.133.325	90.299.416.562
Chuyển từ/(sang) hàng tồn kho	34.544.231.061	(21.682.500.000)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(86.835.613.751)	-
Số dư cuối kỳ/năm	21.383.667.197	68.616.916.562

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 thể hiện các máy móc thiết bị đang lắp đặt dở cho các dự án hoạt động liên kết thiết bị y tế.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

12. Các khoản đầu tư tài chính

	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư ngắn hạn:		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng (a)	285.600.000.000	-
Đầu tư vốn dài hạn tại công ty con:		
▪ Công ty TNHH Kyoto Medical Science (b)	72.853.000.000	72.853.000.000
Đầu tư vốn dài hạn tại công ty liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (c)	500.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác		
▪ Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Phú Thọ	-	7.000.000.000
▪ Bệnh viện C Thái Nguyên	-	6.278.860.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	10.000.000.000	-
	83.353.000.000	86.131.860.000

- (a) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 1% đến 2,8%/năm.
- (b) Công ty TNHH Kyoto Medical Science là một doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là bán buôn máy móc và thiết bị y tế, sản xuất thiết bị và dụng cụ y tế, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp và sửa chữa máy móc thiết bị y tế.
- (c) Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín là một doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là bán buôn máy móc và thiết bị y tế, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, sửa chữa và cho thuê máy móc thiết bị y tế, giáo dục nghề nghiệp, quảng cáo và đại lý môi giới, đấu giá. Khoản đầu tư dài hạn của Công ty tương đương với 25% vốn sở hữu và 25% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.

13. Vay ngắn hạn

	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	231.101.924.381	347.330.048.445
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	38.254.977.235	21.120.000.000
	269.356.901.616	368.450.048.445

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay 1	VND	152.444.298.976	262.084.572.846
Khoản vay 2	VND	-	3.732.000.000
Khoản vay 3	VND	29.338.832.931	30.242.020.136
Khoản vay 4	VND	-	34.259.000.000
Khoản vay 5	VND	595.000.000	17.012.455.463
Khoản vay 6	VND	48.723.792.474	-
		231.101.924.381	347.330.048.445

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 8,9% đến 10,5%/năm.

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 49.176 triệu VND (31/12/2013: 73.014 triệu VND) (Thuyết minh 9) và hàng hóa có giá trị ghi sổ là 183.759 triệu VND (31/12/2013: 239.408 triệu VND) (Thuyết minh 7).

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.894.191.071	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.937.987.772	69.959.618.641
Thuế thu nhập cá nhân	76.861.870	66.050.439
	59.909.040.713	70.025.669.080

15. Các khoản phải trả khác

	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	843.396.070	291.263.450
Lãi phạt chậm nộp thuế	-	24.746.167.231
Thù lao cho Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	2.576.666.667	666.000.000
Phải trả khác	49.131.900	-
	3.469.194.637	25.703.430.681

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Vay và nợ dài hạn

	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn (a)	65.108.000.000	54.243.000.000
Nợ thuê tài chính (b)	71.769.388.805	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(38.254.977.235)	(21.120.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	98.622.411.570	33.123.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(a) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay 1	VND	Thả nổi	2017	54.721.000.000	54.243.000.000
Khoản vay 2	VND	Thả nổi	2019	4.500.000.000	-
Khoản vay 3	VND	Thả nổi	2019	3.024.000.000	-
Khoản vay 4	VND	Thả nổi	2020	2.863.000.000	-
				<hr/>	<hr/>
				65.108.000.000	54.243.000.000
				<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Lãi suất của các khoản vay dài hạn trên được tính bằng lãi suất cơ sở của ngân hàng cho vay cộng (+) 4%/năm. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng và lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 179.707 triệu VND (31/12/2013: 68.560 triệu VND) (Thuyết minh 9).

(b) Khoản nợ thuê tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease được thanh toán trong vòng 60 tháng và chịu lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất cơ sở của các công ty cho thuê tài chính này cộng (+) biên độ 2,4% - 5%/năm. Nợ gốc và nợ lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không hủy ngang như sau:

	31/3/2015 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	19.051.238.399	6.032.061.169	13.019.177.230
Trong vòng hai đến năm năm	71.272.635.127	12.522.423.552	58.750.211.575
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	90.323.873.526	18.554.484.721	71.769.388.805
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	354.199.990.000	71.594.546.000	8.623.423.070	263.026.331.657	697.444.290.727
Vốn cổ phần phát hành theo quyền mua (Thuyết minh 18)	99.176.000.000	48.941.502.850	-	-	148.117.502.850
Phát hành cổ phần để mua công ty con (Thuyết minh 18 và 29)	40.700.000.000	32.153.000.000	-	-	72.853.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	39.743.098.687	39.743.098.687
Phân bổ vào các quỹ	-	-	8.503.804.863	(8.503.804.863)	-
Cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 19)	74.109.310.000	-	-	(74.109.310.000)	-
Các biến động khác	-	-	-	(8.639.322.814)	(8.639.322.814)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	568.185.300.000	152.689.048.850	17.127.227.933	211.516.992.667	949.518.569.450
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 18)	500.000.760.000	249.719.280.000	-	-	749.720.040.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	195.186.581.055	195.186.581.055
Phân bổ vào các quỹ (Thuyết minh 20)	-	-	2.084.007.319	(2.084.007.319)	-
Cổ tức bằng tiền và bằng cổ phiếu (Thuyết minh 19)	56.815.650.000	-	-	(85.224.915.000)	(28.409.265.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2015	1.125.001.710.000	402.408.328.850	19.211.235.252	319.394.651.403	1.866.015.925.505

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2015		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	112.500.171	1.125.001.710.000	56.818.530	568.185.300.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	1.125.001.710.000	56.818.530	568.185.300.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015		Năm kết thúc ngày 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	56.818.530	568.185.300.000	35.419.999	354.199.990.000
Phát hành cho cổ đông mới (*)	28.057.538	280.575.380.000	-	-
Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo quyền mua (*)	21.942.538	219.425.380.000	9.917.600	99.176.000.000
Phát hành cổ phần để mua công ty con	-	-	4.070.000	40.700.000.000
Phát hành để trả cổ tức (Thuyết minh 19)	5.681.565	56.815.650.000	7.410.931	74.109.310.000
Số dư cuối kỳ/năm	112.500.171	1.125.001.710.000	56.818.530	568.185.300.000

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 19 tháng 9 năm 2014, Đại hội cổ đông đã thông qua kế hoạch chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới với số lượng chào bán là 50.000.076 cổ phần, trong đó cổ đông hiện hữu được mua theo tỷ lệ thực hiện cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận quyền mua 8 cổ phiếu mới. Việc phát hành đã hoàn tất vào ngày 9 tháng 1 năm 2015 và đã làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 500.000.760.000 VND (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) và thặng dư vốn cổ phần tăng thêm 249.719.280.000 VND.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 6 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức với tổng số tiền là 85.224.915.000 VND, tương ứng 15% mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành, trong đó 5% mệnh giá được trả bằng tiền mặt trị giá 28.409.265.000 VND và 10% mệnh giá được trả bằng cổ phiếu tương đương 56.815.650.000 VND (5.681.565 cổ phiếu) (31/12/2013: 15% vốn cổ phần, tương đương 74.109.310.000 VND, bằng 7.410.931 cổ phiếu). Số lượng cổ phiếu phát hành cho mỗi cổ đông được làm tròn xuống hàng đơn vị. Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị Công ty đã tiến hành hủy.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****20. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu****Quỹ đầu tư phát triển**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2014, Công ty đã trích lập 2.084.007.319 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế dùng để phân phối vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Bán hàng	887.574.768.832	450.484.657.497
Liên kết thiết bị y tế	133.248.932.777	81.664.404.944
Cung cấp dịch vụ	35.417.825.757	18.971.687.130
	1.056.241.527.366	551.120.749.571

22. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Bán hàng	644.754.663.180	326.099.833.979
Liên kết thiết bị y tế	70.519.986.466	57.739.523.673
Cung cấp dịch vụ	3.905.913.525	4.717.608.681
	719.180.563.171	388.556.966.333

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Lãi tiền gửi	1.024.590.627	503.113.100
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.095.985	120.896.894
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.788.792.404
	1.060.686.612	2.412.802.398

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

24. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	53.838.992.395	48.364.504.509
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.886.331.881	1.552.579.316
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.368.925.323	389.112.373
	<hr/>	<hr/>
	57.094.249.599	50.306.196.198
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

25. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	112.767.660.281	809.523.810
Thu nhập khác	1.191.398.370	2.286.256.847
	<hr/>	<hr/>
	113.959.058.651	3.095.780.657
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

26. Chi phí khác

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	72.183.414.320	-
Phạt chậm nộp thuế	17.028.783.588	24.746.167.231
Chi phí khác	2.351.893.633	79.806.793
	<hr/>	<hr/>
	91.564.091.541	24.825.974.024
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	60.111.122.034	18.732.597.223

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	255.297.703.089	58.475.695.910
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	56.165.494.680	14.618.923.978
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	3.945.627.354	6.273.503.949
Thu nhập không bị tính thuế	-	(2.159.830.704)
	60.111.122.034	18.732.597.223

(c) Thuế suất áp dụng

Cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 25%).

Theo quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Việc tính toán thuế thu nhập của Công ty có thể thay đổi phụ thuộc vào điều chỉnh của cơ quan thuế địa phương.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		31/3/2015	31/12/2013
		VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	30.295.566.973	29.279.429.720
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	285.600.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn	(i)	10.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	625.526.859.676	373.657.579.084
		<hr/>	<hr/>
		951.422.426.649	402.937.008.804

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 30 ngày đến 720 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/3/2015	31/12/2013
	VND	VND
Trong hạn	624.121.532.913	372.208.477.821
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	86.629.393
Quá hạn trên 180 ngày	1.405.326.763	1.362.471.870
	<hr/>	<hr/>
	625.526.859.676	373.657.579.084
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2014	Năm kết thúc
	đến 31/3/2015	ngày 31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.388.460.688	1.091.555.053
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	296.905.635
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	1.388.460.688	1.388.460.688
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	Từ 1 đến 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 3 năm 2015				
Vay ngắn hạn	269.357	285.903	285.903	-
Vay và nợ dài hạn	98.622	114.209	-	114.209
Phải trả người bán và phải trả khác	186.368	186.368	101.222	85.146
	554.347	586.480	387.125	199.355
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Vay ngắn hạn	368.450	385.420	385.420	-
Vay dài hạn	33.123	37.496	-	37.496
Phải trả người bán và phải trả khác	119.946	119.946	87.381	32.565
	521.519	542.862	472.801	70.061

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/3/2015	31/12/2013
	USD	USD
Tiền	1.382	24.970
Phải trả người bán	(7.080.415)	(1.120.612)
	<hr/>	<hr/>
	(7.079.033)	(1.095.642)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Sau đây là tỷ giá được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/3/2015	31/12/2013
VND/USD	21.595	21.081
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 3 năm 2015 USD (mạnh thêm 1% so với VND)	 (1.192.399.398)
	<hr/> <hr/>
Ngày 31 tháng 12 năm 2013 USD (mạnh thêm 3% so với VND)	 (519.687.653)
	<hr/> <hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá VND/USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày báo cáo.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không thực hiện chính sách nào để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	285.600.000.000	-
Nợ phải trả tài chính	(231.101.924.381)	-
	<hr/> 54.498.075.619	<hr/> -
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	30.295.566.973	29.279.429.720
Nợ phải trả tài chính	(136.877.388.805)	(401.573.048.445)
	<hr/> (106.581.821.832)	<hr/> (372.293.618.725)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 831 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (Năm kết thúc ngày 31/12/2013: 2.792 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/3/2015		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền	433.553	433.553	39.474	39.474
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	625.527	(*)	373.658	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(269.357)	(*)	(368.450)	(*)
- Vay và nợ dài hạn	(98.622)	(*)	(33.123)	(*)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(186.368)	(*)	(119.946)	(*)
	<hr/> 504.733	<hr/> (*)	<hr/> (108.387)	<hr/> (*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Phát hành cổ phiếu để mua công ty con	-	72.853.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 19)	56.815.650.000	74.109.310.000
Nguyên giá của tài sản cố định do Công ty nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	85.394.952.986	-

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Công ty con và công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Kyoto Medical Science</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.566.606.321	58.810.710.372
Mua hàng	67.960.505.549	23.198.671.517
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín</i>		
Góp vốn bằng tiền	500.000.000	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.236.000.000	1.260.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	758.666.667	582.000.000

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	645.435.798.781	325.979.261.872
Chi phí nhân công	30.555.260.789	20.712.695.916
Chi phí khấu hao	74.791.130.518	61.528.271.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.980.154.521	5.945.955.864
Chi phí khác	12.542.883.791	9.365.119.368

Ngày 15 tháng 5 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Thị Phương Duyên
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Lê Văn Hương
Giám đốc